

Tiền cổ kim loại khu di tích Hoàng thành Thăng Long

Nguyễn Thị Anh Đào*

Nhận ngày 29 tháng 9 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 11 năm 2022.

Tóm tắt: Tiền kim loại là loại hình di vật đặc biệt, có độ tin cậy cao về niên đại và nguồn gốc, bởi trên tiền đúc niên hiệu, quốc hiệu và thậm chí cả năm đúc tiền. Đây là nguồn tư liệu có tầm quan trọng trong việc nghiên cứu về kinh tế, chính trị, xã hội trong lịch sử. Tại khu di tích khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long đã tìm thấy trên 8.600 đồng tiền cổ kim loại. Sau quá trình xử lý bảo quản, nghiên cứu, phân loại, các thống kê chi tiết, bài bản và hệ thống các loại tiền phát hiện được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long lần đầu tiên được công bố. Bài viết¹ cũng bước đầu đưa ra một số nhận xét đánh giá tổng quan về số lượng, mật độ, giá trị các sưu tập tiền nhằm góp phần làm sáng rõ hơn về đời sống kinh tế, xã hội của Kinh đô Thăng Long trong lịch sử.

Từ khóa: Tiền cổ kim loại, Hoàng thành Thăng Long, Kinh đô Thăng Long.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Metal coins are a special type of artifact, with high reliability in dating and origin, because on them are the date, the country name and even the year of minting. This is an important source of material in the study of economic, political and social aspects of history. At the archaeological site of Thăng Long Imperial Citadel, over 8,600 ancient metal coins have been found. After the process of preservation, research and classification, detailed and methodical statistics and systems of coins discovered in the imperial citadel were first published. At the same time, the article also gives some initial general comments on the quantity, density and value of the coin collections in order to contribute to clarifying the economic and social aspects of life in Thăng Long capital in history.

Keywords: Ancient metal coins, Imperial Citadel of Thăng Long, Thăng Long capital.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Cuộc khai quật khảo cổ học quy mô lớn khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu các năm 2002-2004 và khu vực xây dựng Nhà Quốc hội các năm 2008-2009, bên cạnh những phát hiện nhiều dấu vết nền móng kiến trúc thuộc nhiều thời kỳ nằm chồng xếp, đan xen nhau, còn có số lượng khổng lồ rất nhiều loại hình di vật phong phú, đa dạng với nhiều loại hình, chất liệu khác nhau. Trong số đó, kim loại là một trong những loại hình di vật tìm được số lượng không nhiều nhưng khá đặc sắc và độc đáo, bao gồm các loại hình đồ dùng, vật dụng và một số lượng lớn tiền cổ kim loại, bao gồm tiền rời rạc và những khối xu tiền lớn được chôn giấu có ý thức của con người, mỗi khối xu tiền lên tới cả nghìn đồng xu. Các khối tiền nguyên xu dường như được chôn trực tiếp xuống lòng đất chứ không tìm được dấu vết đồ đựng nào, và đa phần được xử lý di dời nguyên khối lên khỏi di tích (Nguyễn Thị Anh Đào, 2019).

* Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: anhdaokhbt@gmail.com

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học “Nghiên cứu các sưu tập tiền cổ khai quật được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long” do Viện Nghiên cứu Kinh thành chủ trì.

Đối với đồ kim loại nói chung, tiền cổ kim loại nói riêng trải qua nhiều năm nằm sâu dưới lòng đất, đa phần được tìm thấy trong tình trạng rỉ sét, bám bẩn, mục nát và phá hủy khá mạnh. Để đưa ra được những nhận định, nghiên cứu, đánh giá tổng thể về các sưu tập tiền, trong nhiều năm qua, Viện Nghiên cứu Kinh thành đã tiến hành thường xuyên công tác xử lý bảo quản như vệ sinh, tẩy gỉ, chống bị ăn mòn,... nhằm mang lại diện mạo ổn định cho di vật.

Trên cơ sở kết quả bảo quản, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân loại, chỉnh lý, xác định tên gọi và niên đại, nguồn gốc các loại tiền. Đối với nhóm tiền rời sau quá trình bảo quản, nhóm nghiên cứu phân loại, thống kê và sắp xếp thành các nhóm tiền Việt Nam, Trung Quốc, Đông Dương thuộc Pháp... theo tiến trình từ sớm đến muộn. Còn đối với tiền phát hiện nguyên xâu, nguyên khối thì áp dụng phương pháp bảo quản giữ nguyên trạng bề mặt hoặc xử lý tách rời phần đất để giữ tình trạng bảo quản tốt nhất, tránh sự xâm nhập của vi khuẩn gây tình trạng han gỉ, phá hủy hiện vật có thể xảy ra tiếp theo.

Dựa trên kết quả xử lý bảo quản và nghiên cứu các sưu tập tiền kim loại kể trên tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long trong nhiều năm qua, bài viết này sẽ công bố tổng quan về kết quả thống kê, chỉnh lý, phân loại bước đầu về các loại hình tiền rời kim loại phát hiện được tại khu di tích.

2. Kết quả nghiên cứu về nguồn gốc, niên đại của bộ sưu tập tiền cổ kim loại

Khác với loại hình di vật khác, tiền cổ kim loại mang tính chính xác cao về niên đại, bởi trên mặt tiền có đúc (dập) niên hiệu, quốc hiệu và thậm chí năm đúc, nơi đúc ra đồng tiền đó. Việc nghiên cứu, xác định nguồn gốc, niên đại của tiền cổ kim loại do đó tương đối thuận lợi, dựa trên cơ sở nhận diện nét chữ, ký tự được đúc trên đó.

Đối với sưu tập tiền rời kim loại phát hiện tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, sau quá trình xử lý bảo quản, việc nghiên cứu, đọc tên và phân loại tiền được thực hiện khá tỉ mỉ, chi tiết và khoa học. Sưu tập tiền này thống kê được trên 8.600 đồng và sắp xếp theo bốn nhóm chính: tiền Việt Nam, tiền Trung Quốc, một phần nhỏ tiền Đông Dương thuộc Pháp và số lượng ít tiền không chính triều...

2.1. Tiền Việt Nam

Quá trình nghiên cứu, phân loại chỉnh lý bộ sưu tập tiền kim loại Việt Nam phát hiện được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long thống kê được 44 loại tiền chính triều với tổng số 2.084 đồng, trong đó khu ABCD là 1.805 đồng và khu E là 279 đồng thuộc các thời kỳ Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Lê trung hưng, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn (từ năm 980-1945). Về cơ bản, với số lượng và các loại tiền Việt Nam phát hiện được tại di tích đã cho thấy sự đa dạng về loại hình, tương đối đầy đủ theo diễn tiến niên đại từ sớm đến muộn theo chiều dài lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong số đó, đồng tiền sớm nhất tìm thấy là tiền “天福鎮寶” (Thiên Phúc trấn bảo) thời Tiền Lê thế kỷ X, và đồng tiền muộn nhất là “啟定通寶” (Khải Định thông bảo) thời Nguyễn thế kỷ XX.

Bảng 1: Thống kê chi tiết tổng các loại tiền Việt Nam phát hiện được xác định tính đến thời điểm hiện tại

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
I - Triều Tiền Lê (01 loại - 05 đồng)					
1	Thiên Phúc trấn bảo	天福鎮寶	Lê Hoàn	980-988	5
II - Triều Lý (08 loại - 53 đồng)					
2	Minh Đạo nguyên bảo	明道元寶	Lý Thái Tông	1043-1047	12
					101

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
3	Thiên Phù nguyên bảo	天符元寶	Lý Nhân Tông	1072-1127	1
4	Thiên Phù thông bảo	天符通寶	Lý Nhân Tông	1072-1127	4
5	Đại Định thông bảo	大定通寶	Lý Anh Tông	1140-1162	4
6	Trị Bình thánh bảo	治平聖寶	Lý Cao Tông	1205 - 1210	15
7	Trị Bình nguyên bảo	治平元寶	Lý Cao Tông	1205-1211	16
8	Trị Bình thông bảo	治平通寶	Lý Cao Tông	1205-1210	1
III - Triều Trần (02 loại - 05 đồng)					
9	Thiệu Phong nguyên bảo	紹豐元寶	Trần Dụ Tông	1341-1357	4
10	Nguyên Phong thông bảo	元豐通寶	Trần Thái Tông	1251-1258	1
IV - Triều Hồ (01 loại - 28 đồng)					
11	Thánh Nguyên thông bảo	聖元通寶	Hồ Quý Ly	1400-1401	28
V - Triều Lê sơ (12 loại - 1489 đồng)					
12	Thuận Thiên nguyên bảo	順天元寶	Lê Thái Tông	1428-1433	4
13	Thiệu Bình nguyên bảo	紹平元寶	Lê Thái Tông	1434-1439	2
14	Thiệu Bình thông bảo	紹平通寶	Lê Thái Tông	1434-1439	158
15	Thiệu Bình phong bảo	紹平豐寶	Lê Thái Tông	1434-1439	4
16	Đại Bảo thông bảo	大寶通寶	Lê Thái Tông	1440-1442	3
17	Đại Hoà thông bảo	大和通寶	Lê Nhân Tông	1443-1453	193
18	Thái Hòa thông bảo	太和通寶	Lê Nhân Tông	1443-1453	237
19	Diên Ninh thông bảo	延寧通寶	Lê Nhân Tông	1454-1459	180
20	Quang Thuận thông bảo	光順通寶	Lê Thánh Tông	1460-1497	229
21	Hồng Đức thông bảo	洪德通寶	Lê Thánh Tông	1470-1497	394
22	Cảnh Thống thông bảo	景統通寶	Lê Hiến Tông	1498-1504	20
23	Hồng Thuận thông bảo	洪順通寶	Lê Tương Dực	1510-1516	65
VI - Triều Lê trung hưng (11 loại - 286 đồng)					
24	Vĩnh Thọ thông bảo	永壽通寶	Lê Thần Tông	1649-1662	1
25	Cảnh Hưng đại bảo	景興大寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	20
26	Cảnh Hưng thông bảo	景興通寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	180
27	Cảnh Hưng trọng bảo	景興重寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	4
28	Cảnh Hưng tuyền bảo	景興泉寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	11
29	Cảnh Hưng chí bảo	景興至寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	3
30	Cảnh Hưng thuận bảo	景興順寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	2
31	Cảnh Hưng cự bảo	景興巨寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	28
32	Cảnh Hưng chính bảo	景興正寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	1
33	Cảnh Hưng vĩnh bảo	景興永寶	Lê Hiến Tông	1740-1786	20
34	Chiêu Thống thông bảo	昭統通寶	Lê Chiêu Thống (Lê Mẫn Đế)	1787-1788	16
VII - Triều Mạc (03 loại - 38 đồng)					

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
35	An Pháp nguyên bảo	安法元寶	Mạc Kính Cung	1593-1625	32
36	Thái Bình thông bảo	太平通寶	Mạc Kính Cung	1593-1625	2
37	Thái Bình thánh bảo	太平聖寶	Mạc Kính Cung	1593-1625	4
VIII - Triều Tây Sơn (03 loại - 122 đồng)					
38	Thái Đức thông bảo	泰德通寶	Nguyễn Nhạc	1778-1793	1
39	Quang Trung thông bảo	光中通寶	Nguyễn Huệ	1788-1792	72
40	Cảnh Thịnh thông bảo	景盛通寶	Nguyễn Quang Toản	1793-1801	49
IX - Triều Nguyễn (04 loại - 58 đồng)					
41	Gia Long thông bảo	嘉隆通寶	Nguyễn Thế Tổ	1802-1820	15
42	Minh Mệnh thông bảo	明命通寶	Nguyễn Thánh Tổ	1820-1840	20
43	Tự Đức thông bảo	嗣德通寶	Nguyễn Dục Tông	1848-1883	9
44	Khải Định thông bảo	啟定通寶	Nguyễn Hoàng Tông	1916-1925	14
Tổng (44 loại tiền)					2.084 đồng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ đề tài năm 2022.

Như vậy, trong tổng số 44 loại tiền với 2.084 đồng tiền Việt Nam thống kê thuộc các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Lê trung hưng, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn kể trên thì về số lượng, tiền giai đoạn Lê sơ có nhiều loại và chiếm số lượng nhiều nhất - 1.489 đồng (71,4% tổng số lượng tiền Việt Nam), trong đó, nhiều nhất là loại tiền Hồng Đức thông bảo 洪德通寶. Còn loại tiền giai đoạn Tiền Lê và Trần phát hiện ít loại tiền và số lượng ít hơn so với các triều đại khác. Còn về chất lượng đồng tiền, tiền giai đoạn Lê sơ dày dặn, rất tốt và sắc nét nhất so với các loại tiền còn lại.

2.2. Tiền Trung Quốc

Tiền rời Trung Quốc xác định thống kê được 76 loại, có số lượng lớn gấp nhiều lần so với tiền Việt Nam, với 6.512 đồng, chiếm 75,6% tổng số tiền tìm được tại khu di tích, cho thấy việc lưu thông tiền Trung Quốc trong suốt thời kỳ Bắc thuộc đến các triều đại phong kiến độc lập ở Việt Nam là phổ biến và thông dụng hơn cả so với các loại tiền được sản xuất trong nước. Tiền Trung Quốc có niên đại trải dài từ thời nhà Tần đến Tân Vương Mãng, Hán, Tam Quốc, Đường, Ngũ Đại Thập Quốc, Tống, Liêu, Kim, Nguyên, Minh, Thanh, từ năm 221 trước Công nguyên đến năm 1880. Loại tiền sớm nhất là tiền “Bán lượng” (半兩) thời Tần, niên đại 221-206 trước Công nguyên, loại muộn nhất là tiền “Gia Khánh Thông bảo” (嘉慶通寶), thời Thanh, niên đại 1769-1821, và một đồng “Hương Cảng nhất tiên” (香港一仙) của Hồng Kông, niên đại 1880 (tiền tròn, không lỗ, mặt trước chính giữa có các chữ 香港一仙 đọc chéo, quanh viền chữ HONG - KONG ONE CENT 1880; mặt sau chính giữa hình Nữ hoàng Victoria, quanh viền chữ VICTORIA QUEEN).

Qua nghiên cứu, thống kê cho thấy loại tiền cổ kim loại sớm nhất được lưu hành ở Việt Nam là đồng tiền “Bán lượng” (半兩) thời Tần, niên đại 221-206 trước Công nguyên được tìm thấy tại khu di tích. Tuy số lượng không nhiều nhưng loại tiền này đã minh chứng sự có mặt của tiền Trung Quốc trong những năm tháng đầu thời kỳ Bắc thuộc ở Việt Nam. Đây là một trong những loại tiền

tròn lỗ vuông sớm nhất của Trung Quốc thời Tần, trong đó chữ đúc trên tiền “Bán lượng” (半兩) thể hiện trọng lượng đồng tiền.

Bảng 2: Bộ sưu tập tiền Trung Quốc xác định thống kê được sắp xếp theo tiến trình niên đại

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
I - Triều Tần (01 loại - 02 đồng)					
1	Bán lượng	半兩	Tần Huệ Văn Vương	221-206 trước công nguyên	2
II - Triều Tân Vương Mãng (01 loại - 03 đồng)					
2	Hóa tuyền	化泉	Tân Vương Mãng	14-19	3
III - Triều Hán (01 loại - 29 đồng)					
3	Ngũ thù	五銖	Hán Quang Vũ Đế	25-57	29
IV - Triều Tam Quốc (01 loại - 01 đồng)					
4	Hàm Hy nguyên bảo	咸熙元寶	Ngụy Nguyên Đế	260-265	1
V - Triều Đường (04 loại - 1169 đồng)					
5	Khai Nguyên thông bảo	開元通寶	Đường Cao Tổ	618-626	842
6	Khai Nguyên thông bảo	開元通寶	Đường Huyền Tông	713-741	244
7	Khai Nguyên thông bảo	開元通寶	Đường Vũ Tông Hội Xương	841-845	19
8	Càn Nguyên trọng bảo	乾元重寶	Đường Túc Tông	758-760	64
VI - Triều Ngũ Đại Thập Quốc (02 loại - 06 đồng)					
9	Hán Nguyên thông bảo	漢元通寶	Hậu Hán Cao Tổ (Lưu Trí Viễn, tức Lưu Bảo)	947-948	3
10	Đường Quốc thông bảo	唐國通寶	Nguyên Tông (Lý Cảnh - Nam Đường)	943-961	3
VII - Triều Tống (43 loại - 3626 đồng)					
VII.1 - Bắc Tống (31 loại - 3571 đồng)					
11	Tống Nguyên thông bảo	宋元通寶	Tống Thái Tổ	961	47
12	Thái Bình thông bảo	太平通寶	Tống Thái Tông	936-983	17
13	Thái Bình thánh bảo	太平聖寶	Tống Thái Tông	936-983	1
14	Thuần Hoá nguyên bảo	淳化元寶	Tống Thái Tông	990-994	45
15	Chí Đạo nguyên bảo	至道元寶	Tống Thái Tông	995-997	79
16	Hàm Bình nguyên bảo	咸平元寶	Tống Chân Tông	998-1003	113
17	Cảnh Đức nguyên bảo	景德元寶	Tống Chân Tông	1004-1007	92
18	Tường Phù thông bảo	祥符通寶	Tống Chân Tông	997-1022	157
19	Tường Phù nguyên bảo	祥符元寶	Tống Chân Tông	997-1022	164
20	Thiên Hy thông bảo	天禧通寶	Tống Chân Tông	1017-1021	121
21	Thiên Hy nguyên bảo	天禧元寶	Tống Chân Tông	1017-1021	1
22	Thiên Thánh nguyên bảo	天聖元寶	Tống Nhân Tông	1023-1032	179
23	Cảnh Hựu nguyên bảo	景祐元寶	Tống Nhân Tông	1034-1038	36
24	Cảnh Hựu thông bảo	景祐通寶	Tống Nhân Tông	1034-1038	1
25	Hoàng Tống thông bảo	皇宋通寶	Tống Nhân Tông	1038-1040	455
26	Chí Hoà nguyên bảo	至和元寶	Tống Nhân Tông	1054-1056	23

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
27	Chí Hoà thông bảo	至和通寶	Tổng Nhân Tông	1054-1055	2
28	Gia Hựu nguyên bảo	嘉祐元寶	Tổng Nhân Tông	1056-1063	29
29	Gia Hựu thông bảo	嘉祐通寶	Tổng Nhân Tông	1056-1063	54
30	Trị Bình thông bảo	治平通寶	Tổng Anh Tông	1064-1067	10
31	Trị Bình nguyên bảo	治平元寶	Tổng Anh Tông	1064-1067	85
32	Trị Bình thánh bảo	治平聖寶	Tổng Anh Tông	1064-1067	2
33	Hy Ninh nguyên bảo	熙寧元寶	Tổng Thần Tông	1068-1077	268
34	Nguyên Phong thông bảo	元豐通寶	Tổng Thần Tông	1078-1085	507
35	Nguyên Hựu thông bảo	元祐通寶	Tổng Triết Tông	1086-1093	298
36	Thiệu Thánh nguyên bảo	紹聖元寶	Tổng Triết Tông	1094-1097	227
37	Nguyên Phù thông bảo	元符通寶	Tổng Triết Tông	1098-1100	55
38	Thánh Tông nguyên bảo	聖宋元寶	Tổng Huy Tông	1101	163
39	Đại Quan thông bảo	大觀通寶	Tổng Huy Tông	1107-1110	87
40	Chính Hòa thông bảo	政和通寶	Tổng Huy Tông	1111-1117	201
41	Tuyên Hòa thông bảo	宣和通寶	Tổng Huy Tông	1119-1125	52
VII.2 - Nam Tống (12 loại - 55 đồng)					
42	Kiến Viêm thông bảo	建炎通寶	Tổng Cao Tông	1127	3
43	Thuần Hy nguyên bảo	淳熙元寶	Tổng Hiếu Tông	1174-1189	8
44	Thiệu Hy nguyên bảo	紹熙元寶	Tổng Hiếu Tông	1174-1189	1
45	Gia Thái thông bảo	嘉泰通寶	Tổng Ninh Tông	1201	2
46	Gia Định thông bảo	嘉定通寶	Tổng Ninh Tông	1208-1224	3
47	Khánh Nguyên thông bảo	慶元通寶	Tổng Ninh Tông	1195	2
48	Cảnh Định nguyên bảo	景定元寶	Tổng Lý Tông	1260-1264	3
49	Thiệu Định thông bảo	紹定通寶	Tổng Lý Tông	1228	2
50	Gia Hy thông bảo	嘉熙通寶	Tổng Lý Tông	1237	9
51	Thuần Hựu nguyên bảo	淳祐元寶	Tổng Lý Tông	1241-1252	5
52	Hoàng Tống nguyên bảo	皇宋元寶	Tổng Lý Tông	1253	12
53	Hàm Thuần nguyên bảo	咸淳元寶	Tổng Độ Tông	1265	5
VIII - Triều Liêu (02 loại - 43 đồng)					
54	Thiên Khánh thông bảo	天慶通寶	Liêu Thiên Tự Đế	1121-1130	1
55	Thái Bình thông bảo	太平通寶	Liêu Thánh Tông	1121-1130	42
IX - Triều Kim (04 loại - 83 đồng)					
56	Chính Long nguyên bảo	政隆元寶	Kim Phế Đế	1156-1161	39
57	Đại Định thông bảo	大定通寶	Kim Thê Tông	116-1189	35
58	Thiên Hưng thông bảo	天興通寶	Kim Ái Tông	1232-1234	8
59	Thiệu Hưng nguyên bảo	紹興元寶	Kim Ái Tông	1232-1234	1
X - Triều Nguyên (01 loại - 02 đồng)					
60	Chí Đại thông bảo	至大通寶	Nguyên Vũ Tông	1308-1311	2
XI - Triều Minh (10 loại - 1466 đồng)					
61	Đại Trung thông bảo	大中通寶	Minh Thái Tổ	1368-1398	2
62	Hồng Vũ thông bảo	洪武通寶	Minh Thái Tổ	1368-1398	225

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Triều vua	Niên đại	Số lượng
63	Vĩnh Lạc thông bảo	永樂通寶	Minh Thành Tổ	1403-1424	1.030
64	Tuyên Đức thông bảo	宣德通寶	Minh Tuyên Tông	1426-1435	165
65	Vạn Lịch thông bảo	萬曆通寶	Minh Thần Tông	1573-1620	2
66	Sùng Trinh thông bảo	崇禎通寶	Minh Tư Tông	1628-1644	2
67	Lợi Dụng thông bảo	利用通寶	Ngô Tam Quế	1647-1662	12
68	Chiêu Vũ thông bảo	昭武通寶	Ngô Tam Quế	1678	1
69	Hồng Hóa thông bảo	洪化通寶	Mạt Minh, Ngô Thế Phan	1679	26
70	Dụ Dân thông bảo	裕民通寶	Minh, Cảnh Tinh Trung	1674-1676	1
XII - Triều Thanh (06 loại - 82 đồng)					
71	Thuận Trị thông bảo	順治通寶	Thanh Thế Tổ	1643-1661	6
72	Vĩnh Lịch thông bảo	永曆通寶	Quế Vương Chu Do Lang	1647-1661	1
73	Khang Hy thông bảo	康熙通寶	Thanh Thánh Tổ	1662-1722	43
74	Càn Long thông bảo	乾隆通寶	Thanh Cao Tông	1736-1795	26
75	Gia Khánh thông bảo	嘉慶通寶	Thanh Nhân Tông	1769-1821	5
XII - Hồng Kông (01 loại - 01 đồng)					
76	Hương Cảng nhất tiên	香港一仙	Hồng Kông	1880	1
Tổng (76 loại tiền)					6.512 đồng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ đề tài năm 2022.

2.3. Tiền Đông Dương thuộc Pháp

Đông Dương thuộc Pháp, hay còn gọi là “Liên bang Đông Dương”, là tên gọi nói về giai đoạn lịch sử mà lãnh thổ các nước thuộc địa ở khu vực Đông Nam Á nằm dưới quyền cai trị của thực dân Pháp. Năm 1859, Pháp chiếm Sài Gòn, Ngân hàng Đông Dương ra đời và người Pháp dần thay thế các đồng tiền thương mại cũ của Việt Nam và Trung Quốc bằng đồng xu Đông Dương.

Tại di tích tìm thấy một số lượng không nhiều loại tiền “百分之一” (Bách Phân Chi Nhất) do Ngân hàng Đông Dương phát hành trong giai đoạn Pháp chiếm đóng Sài Gòn vào thời điểm những năm cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX.

Tiền kim loại phát hiện được tại di tích giai đoạn này có số lượng không nhiều, hiện tại mới xác định thống kê được 07 đồng “Bách Phân Chi Nhất” (百分之一), niên đại 1885 - 1945, trong số đó có loại không có và cả loại có lỗ tròn nhỏ ở giữa.

2.4. Các loại tiền khác

Ngoài các loại tiền chính thống lưu hành thông dụng được liệt kê ở trên, còn có một số loại tiền lưu hành không chính thống, với kích thước nhỏ hơn, chữ đúc xấu và chất lượng kém hơn các loại

tiền lưu hành chính thống. Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long tìm được 03 loại tiền loại này, với tổng số 13 đồng, đó là “Tuờng Thánh thông bảo” (祥聖通寶), “Tuờng Nguyên thông bảo” (祥元通寶) và “Cảm Thiệu nguyên bảo” (感紹元寶).

Bảng 3: Bộ sưu tập tiền không chính triều phát hiện được tại di tích

TT	Tên tiền	Chữ Hán	Số lượng
1	Tuờng Nguyên thông bảo	祥元通寶	9
2	Tuờng Thánh thông bảo	祥聖通寶	3
3	Cảm Thiệu nguyên bảo	感紹元寶	1
Tổng (03 loại tiền)			13 đồng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ đề tài năm 2022.

3. Đặc điểm và giá trị sưu tập tiền

Trên cơ sở phân tích các bộ sưu tập tiền rời phát hiện được tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long nêu trên có thể đưa ra một số nhận xét đánh giá về giá trị như sau:

3.1. Về số lượng, mật độ tiền kim loại tìm được tại di tích

Thống kê sơ bộ về số lượng tiền kim loại phát hiện được tại khu di tích như sau:

- Tiền nguyên xâu: 04 xâu (khu ABCD: 02 xâu và khu E: 02 xâu).
- Tiền rời xác định: 8.616 đồng (bao gồm: tiền Việt Nam 2.084 đồng, tiền Trung Quốc 6.512 đồng, tiền Đông Dương thuộc Pháp 07 đồng và tiền không chính triều 13 đồng).

Trên cơ sở phân loại, nghiên cứu trên tổng số 8.616 đồng tiền kim loại đã xác định tên và niên đại ở trên, tiền Trung Quốc chiếm số lượng lớn với 76 loại, gồm 6.512 đồng (chiếm 75,6% tổng số lượng tiền), tiền Việt Nam có 44 loại, gồm 2.084 đồng (chiếm 24,1% tổng số lượng tiền), tiền Đông Dương thuộc Pháp và tiền không chính triều 20 đồng (chiếm 0,2% tổng số lượng tiền).

Những số liệu chênh lệch khá lớn giữa tiền Việt Nam và Trung Quốc tại khu vực di tích nêu trên cho thấy, sự xuất hiện của tiền nước ngoài nói chung, tiền kim loại nói riêng góp phần phản ánh tình hình xã hội nước ta trong tiến trình lịch sử. Trong thời Bắc thuộc, tiền tệ do Trung Quốc đúc lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam khá nhiều và gần như ở mức phổ biến. Thực tế ấy cũng chỉ ra rằng vào các thời kỳ đó, nền kinh tế nước ta, hoàn toàn hoặc cơ bản, bị lệ thuộc vào chính quyền đô hộ phương Bắc.

3.2. Về tự dạng (thư pháp) trên tiền

Hình thức thư pháp trên bộ sưu tập tiền khá đa dạng, có nhiều hình thức khác nhau như: chữ chân, chữ thảo, chữ triện, cũng có loại tiền thì kết hợp cả chân và triện, chân và thảo. Nghiên cứu chữ đúc trên tiền cho thấy có cả chữ đúc ở mặt trước và mặt sau. Đa phần các loại tiền để lưng trơn, nhưng cũng có một số loại tiền có chữ hoặc ký hiệu khác nhau ở mặt lưng của tiền, mang ý nghĩa nhất định.

Về chữ đúc trên tiền, có hai loại chính là: Loại tiền có bốn chữ và loại tiền có hai chữ. Nhận biết về cách đọc tiền là một yếu tố quan trọng để xác định chính xác được niên đại cũng như ý nghĩa của đồng tiền. Với loại tiền bốn chữ thì cách đọc theo chiều kim đồng hồ và đọc chéo; còn với loại tiền có hai chữ thì thường được đọc từ phải sang trái.

a) Loại tiền có bốn chữ:

- Mặt trước tiền:

Hai chữ đầu: Chỉ tên tiền, có các trường hợp:

+ Niên hiệu của vua: là hình thức thông dụng và phổ biến nhất, có thể tìm thấy ở đa phần các loại tiền đã được thống kê ở trên.

+ Quốc hiệu khi đúc tiền, đặc biệt thời Tống, thời hoàng kim của văn hóa nghệ thuật, những đồng tiền mang quốc hiệu Tống cũng rất phong phú. Trong bộ sưu tập tiền tại di tích Hoàng thành Thăng Long, có các loại như sau: “Đường Quốc thông bảo” (唐國通寶); “Hán Nguyên thông bảo” (漢元通寶); “Tống Nguyên thông bảo” (宋元通寶); “Hoàng Tống thông bảo” (皇宋通寶); “Hoàng Tống nguyên bảo” (皇宋元寶); “Thánh Tống nguyên bảo” (聖宋元寶)...

Hai chữ sau: Phản ánh loại tiền, có các trường hợp như sau:

+ “通寶” (thông bảo): với ý nghĩa là “vật quý thông dụng”, đúc phổ biến ở đa số các loại tiền, cả Việt Nam và Trung Quốc.

+ “元寶” (nguyên bảo): ý nghĩa “vật quý mới đầu tiên”, phổ biến trên nhiều loại tiền Việt Nam và Trung Quốc đều có.

+ “重寶” (trọng bảo): nghĩa là “đồng tiền trọng yếu”. Đồng tiền đầu tiên dùng hai chữ “重寶” (trọng bảo) là tiền “乾元重寶” (Càn Nguyên trọng bảo) của Trung Quốc, thời Đường, Đường Túc Tông (758 - 760). Mãi sau này là tiền “景興重寶” (Cảnh Hưng trọng bảo) của Việt Nam, thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “永寶” (Vĩnh bảo): có ý nghĩa là “vật quý lưu thông mãi mãi”, như tiền “景興永寶” (Cảnh Hưng vĩnh bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “至寶” (chí bảo): nghĩa là “vật báu cao quý nhất”, như loại tiền “景興至寶” (Cảnh Hưng chí bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “大寶” (đại bảo): mang nghĩa “vật báu to lớn nhất”, ví dụ tiền “景興大寶” (Cảnh Hưng đại bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “正寶” (chính bảo): “Vật báu chính thống”, như loại tiền “景興正寶” (Cảnh Hưng chính bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “巨寶” (cự bảo): “Vật báu to lớn nhất”, ví dụ tiền “景興巨寶” (Cảnh Hưng cự bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

+ “順寶” (thuận bảo): Tiền đúc kỷ niệm dịp chiếm đóng Thuận Hóa và lấy súng đồng của Chúa Nguyễn ở Thuận Hóa mà đúc thành tiền, loại tiền này có “景興順寶” (Cảnh Hưng thuận bảo), thời Lê trung hưng, Lê Hiển Tông, 1740 - 1786.

- Mặt sau tiền: có hai hình thức là chữ và ký hiệu:

+ Chữ: có các trường hợp chữ ghi họ của vua, như “黎” (Lê) trong tiền “天福鎮寶” (Thiên Phúc trấn bảo); chữ thể hiện số đếm như: “二”, “三”, “四”, “九”... (Nhị, Tam, Tứ, Cửu...); chữ ghi chú về nơi đúc tiền như “雲” (Vân) hoặc “南” (Nam) trong Vân Nam - Trung Quốc và ký hiệu (Hình 1-2), chữ “浙” (Chiết) trong Chiết Giang - Trung Quốc; chữ “元” (Nguyên) (Hình 5-6)...+ Ký hiệu: có các dạng ký hiệu như ký hiệu nét cong quay úp vào hoặc ngược ra so với lỗ tiền (Hình 3-4); ký hiệu Cục đúc tiền....

b) Loại tiền có hai chữ:

Mặt trước: Phản ánh trị giá (trọng lượng) của tiền:

Ví dụ: Đồng “半兩” (Bán lượng), “化泉” (Hóa Tuyền) hay “五銖” (Ngũ thù),...

Mặt sau: để tron.

3.3. Về kỹ thuật đúc tiền

Các chuyên gia nghiên cứu tiền cổ cho rằng, tiền kim loại cổ có 2 hình thức đúc cơ bản là đúc khuôn và dập máy. Kỹ thuật dập máy xuất hiện ở giai đoạn muộn sau này, khoảng những thế kỷ

XIX - XX, còn kỹ thuật đúc thì có lịch sử từ rất sớm. Kỹ thuật đúc tiền kim loại cổ của Việt Nam và Trung Quốc đều có chung kỹ thuật đúc là nấu chảy đồng và đổ vào khuôn.

Theo khảo cứu của Lục Đức Thuận và Võ Quốc Kỳ trong “Tiền cổ Việt Nam” (Lục Đức Thuận, Võ Quốc Kỳ, 2009) thì kỹ thuật đúc tiền kim loại nói chung, tiền Việt Nam nói riêng tóm gọn lại trong các bước sau:

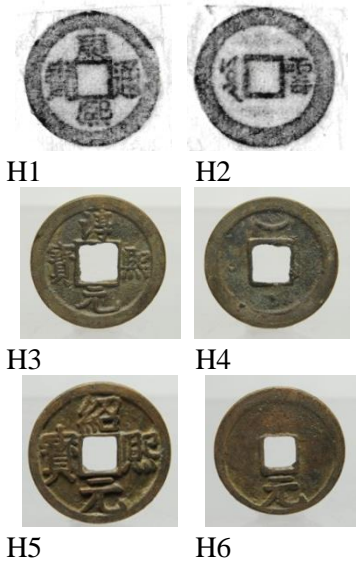
Bước 1: Đúc tạo đồng tiền cái: Các quan văn viết chữ đẹp tạo mẫu chữ trước, sau đó thợ đúc tạo đồng tiền cái (tiền cái thường nặng và dày hơn đồng tiền thường).

Bước 2: Tạo khuôn: Khuôn thường được tạo bằng đất sét, đục dạng nhánh cây chính chia ra nhiều nhánh nhỏ. Ở đầu nhánh nhỏ, ấn một mặt đồng tiền cái tạo khuôn. Một mảnh khuôn mặt chính đồng tiền được ấn mặt chính đồng tiền cái và mảnh khuôn mặt lưng thì được ấn mặt lưng của đồng tiền cái. Khi hai mặt úp nhau thì sẽ có một khuôn 2 mặt của đồng tiền.

Bước 3: Đúc: Đồng sau khi nấu chảy được rót vào lỗ đầu nhánh cây chính, đồng nước sẽ chảy chia ra các nhánh phụ và lấp đầy khuôn tiền.

Bước 4: Hoàn thiện: Khi nguội, người ta sẽ đập vỡ khuôn đất sét, lấy tiền đồng ở ngọn nhánh phụ và mài viền cho tròn cạnh.

Ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chưa tìm thấy khuôn đúc tiền kim loại. Qua nghiên cứu, chỉnh lý sưu tập tiền tìm được ở đây có thể thấy, hình thức đúc tiền có hai dạng cơ bản là: đúc khuôn và dập máy, trong đó phần lớn là loại tiền được đúc khuôn, chỉ có hai loại tiền được sử dụng kỹ thuật dập máy là hai loại tiền của giai đoạn muộn (thời Nguyễn và thời Pháp thuộc - các thế kỷ XIX - XX). Đó là tiền “啟定通寶” (Khải Định Thông bảo) thời Nguyễn và tiền “百分之一” (Bách Phân Chi Nhất) thời Đông Dương thuộc Pháp.



4. Kết luận

Tiền kim loại phát hiện được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long rất đa dạng về loại hình, tương đối đầy đủ đại diện các loại tiền của Việt Nam và Trung Quốc qua các thời kỳ, có niên đại từ sớm đến muộn.

Tiền Việt Nam có loại tiền từ thời Tiền Lê đến thời Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Lê trung hưng, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn, từ thế kỷ X đến thế kỷ XX. Trong đó, loại sớm nhất là tiền “天福鎮寶” (Thiên Phúc trấn bảo), thời Tiền Lê (980 - 988) và đồng tiền muộn nhất là “百分之一” (Bách Phân Chi Nhất), thời Đông Dương thuộc Pháp (1885 - 1945).

Tiền Trung Quốc có loại tiền từ thời Tần, Hán, Tam Quốc đến thời Đường, Ngũ Đại Thập Quốc, Tống, Liêu, Kim, Nguyên, Minh, Thanh, từ thế kỷ III trước công nguyên đến thế kỷ XIX, loại sớm nhất là tiền “半兩” (Bán lượng) thời Tần, loại muộn nhất là tiền “嘉慶通寶” (Gia Khánh thông bảo) triều Thanh.

Bộ sưu tập phong phú các loại tiền tìm được tại khu di tích đã phần nào phản ánh một giai đoạn giao lưu lịch sử giữa Việt Nam và Trung Quốc, từ thời cổ đại đến hiện đại như sử sách đã ghi chép, từ thời nhà Tần cho đến tận thế kỷ XIX. Đây là những minh chứng sinh động về sự lưu thông tiền tệ Trung Quốc tại Việt Nam trong lịch sử.

Đến thế kỷ X, những đồng tiền đầu tiên của Việt Nam mới được chính thức đúc, đó là tiền “Thái Bình hưng bảo”, với chữ “丁” (Đinh) sau lưng tiền. Đây là đồng tiền đầu tiên trong lịch sử tiền tệ của Việt Nam, góp phần đánh dấu một kỷ nguyên độc lập tự chủ, thoát khỏi ách đô hộ của Trung Quốc. Một trong những đồng tiền sớm nhất phát hiện được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long là tiền “天福鎮寶” (Thiên Phúc trấn bảo) của thời Tiền Lê (thế kỷ X), chưa tìm

được đồng tiền Thái Bình hưng bảo. Từ thời Đinh về sau, tiền kim loại được đúc nhiều và lưu hành phổ biến ở Việt Nam cho đến tận những thập niên đầu của thế kỷ XX, sau khi kết thúc triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam - triều Nguyễn. Nguồn tư liệu sử học cũng đã minh chứng và khẳng định cho nhận xét này.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Anh Đào (2019), “Tiền kim loại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, tổng quan về nguồn gốc và niên đại”, *Kinh thành cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Anh Đào (2020), “Kết quả bảo quản, nghiên cứu và phân loại sơ bộ hiện vật kim loại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long”, *Kinh thành cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Quốc Hùng, Hoàng Văn Khoán (2010), *Sổ tay tiền cổ kim loại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp lưu hành ở Việt Nam từ đầu công nguyên đến năm 1975*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Huy (2013), *Lịch sử tiền tệ Việt Nam Sơ truy và lược khảo*, Nxb Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Văn Khoán (2018), “Phát hiện các di vật tiền cổ tại cuộc khai quật khảo cổ khu 18 Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội, Trung tâm Hoàng thành Thăng Long xưa, *Thực dậy quá khứ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Minh Lý (2004), *Đại cương về cổ vật ở Việt Nam*, Nxb Đại học Văn hóa, Hà Nội.
9. Đỗ Văn Ninh (1992), *Tiền cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quốc Bình, Hùng Bảo Khang (2005), *Tiền kim loại Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
11. Lục Đức Thuận, Võ Quốc Ky (2009), *Tiền cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Đà Nẵng.
12. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí (2008), *Những phát hiện khảo cổ học về Hoàng thành Thăng Long, Việt Nam học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
13. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí (2010), *Thăng Long - Hà Nội, Lịch sử ngàn năm từ lòng đất*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Bùi Minh Trí (2016), *Những khám phá khảo cổ học dưới lòng đất Nhà Quốc hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Đào Minh Tú và nhiều tác giả (2021), *Lịch sử đồng tiền Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.